

Bản tin chứng khoán

Trong số này

Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường

Ngày	Chỉ số	CK tăng giá	CK giảm giá	CK đứng giá
5/21	5.71	228	115	64
5/20	15.73	128	211	68
5/19	9.81	138	204	65
5/18	(6.02)	104	236	67
5/17	(7.66)	113	235	59
5/14	4.37	162	177	68

■ CK tăng giá ■ CK giảm giá ■ CK đứng giá

Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

THD	92.8
VHM	77.3
KDH	42.5
MSN	33.3
MBB	27.8
OCB	27.6
HDB	26.1
SHS	24.8
PDR	21.4
ACV	21.1
NLG	16.3
VPI	(19.2)
BID	(21.3)
ART	(25.8)
CTG	(25.9)
VRE	(35.6)
HSG	(50.8)
STB	(55.9)
VIC	(104.7)
HPG	(203.7)

Thị trường duy trì động lực tốt và tăng nhẹ 5 điểm phiên giao dịch cuối tuần đưa chỉ số có chuỗi 3 ngày tăng liên tục. Chỉ số Vnindex đạt mốc kỷ lục mới 1283 – tăng 17 điểm so với cuối tuần trước. Khá bất ngờ ở nhóm ngân hàng với BID tăng tốc rất mạnh lên mức giá trần 44.7 và dư mua cả triệu đơn vị. Có thể nói nhóm ngân hàng trong đợt tăng trưởng vừa qua hoàn toàn thiếu vắng BID. Thậm chí so với đầu năm BID vẫn giảm 10% trong khi hầu hết các mã ngân hàng khác đều tăng trên 30%. Ngoài BID còn có ABB, OCB, VPB cũng xanh nhẹ từ 1% - 3% trong ngày.

Có khá nhiều cổ phiếu chạm trần trong phiên như TLG, SZC, KBC, LCG, LDG, SCR. Đáng chú ý nhất trong nhóm này là LCG, SZC đều đi lên từ nền giá thấp và khả năng tăng tiếp vẫn còn trong các phiên tới.

Nhóm thép tiếp tục điều chỉnh và chỉ có vài mã nhỏ tăng điểm như HMC, SHI. Dù không rớt giá nhiều nhưng có thể nhận thấy áp lực bán ra ở nhóm thép ở cả nhà đầu tư trong nước lẫn khối ngoại.

Nhà ĐTNN bán ròng 192 tỷ đồng trong phiên cuối tuần và đã có 9 phiên liên tiếp bán ròng với tổng cộng hơn 6,600 tỷ đồng. Riêng trong tuần vừa qua là bán ròng khoảng 3 ngàn tỷ. VPB là cổ phiếu bán ròng nhiều nhất trong tuần cùng với VIC, VNM, HPG. Phía mua ròng ghi nhận FPT, VHM.



Vnindex 1,283.93

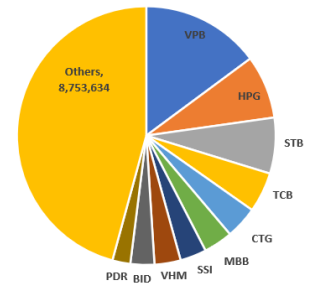
▲ +5.71 (+0.45%)

Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
BID	44.8	2,900	6.93
PLX	57.4	3,000	5.51
PDR	76.0	3,000	4.11
HVN	26.8	850	3.28
VRE	30.4	850	2.88
GVR	25.4	650	2.63
PNJ	101.8	2,500	2.52
POW	11.7	250	2.18
VHM	103.9	1,900	1.86
VJC	112.7	1,700	1.53
VPB	67.8	1,000	1.50
VNM	89.2	1,200	1.36
SSI	39.0	500	1.30
TCB	50.8	600	1.20
BVH	53.3	500	0.95
MBB	34.7	150	0.43
ACB	37.5	100	0.27
GAS	81.0	200	0.25
TPB	33.0	-	-
HDB	31.9	(100)	(0.31)
VIC	122.5	(400)	(0.33)
REE	58.0	(400)	(0.68)
VIB	61.3	(500)	(0.81)
SAB	150.2	(1,900)	(1.25)
CTG	48.3	(650)	(1.33)
MSN	111.9	(1,700)	(1.50)
HPG	65.6	(1,000)	(1.50)
BCM	52.7	(800)	(1.50)
DHG	94.5	(1,500)	(1.56)
FPT	93.8	(1,700)	(1.78)
STB	28.9	(550)	(1.87)
VCB	96.8	(2,200)	(2.22)
NVL	137.3	(3,700)	(2.62)
MWG	145.4	(4,600)	(3.07)



Top giá trị giao dịch (tỷ VND)



Thị trường đã có chuỗi tăng gần 1 tháng từ mốc 1200 lên gần 100 điểm. Các chỉ báo phân tích kỹ thuật cho thấy thị trường vẫn còn động lực khá tốt và khả năng chỉ số có thể chinh phục vượt qua mốc 1300 không quá khó khăn. Tuy nhiên một thống kê khác cho thấy PE thị trường hiện đã ở mức trên 20 và cho tín hiệu không còn quá rẻ. Các vị thế đạt lợi nhuận cao có thể chốt dần là ưu tiên trong thời gian tới.

Một số cổ phiếu đang ở nền đáy thấp có thể tham gia như LCG, BID, SZC. Ưu tiên nắm giữ nhóm tăng trưởng như CTG, MBB, HPG, DGW, OCB, MWG, STB, VND.

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng Cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
NKG	30.5	(0.2)	17	23	Nắm giữ. Mục tiêu 37	3/3/2021	60.5%
CTG	48.3	2.7	30	40	Nắm giữ. Mục tiêu 55	2/3/2021	38.4%
OCB	26.3		18	30	Mua quanh 20. Mục tiêu 28	2/3/2021	25.2%
HPG	65.6	6.8	38	50	Mua quanh 38-40. Mục tiêu 70	2/3/2021	56.2%
MWG	145.4	2.0	120	150	Mua quanh 115-120. Mục tiêu 150	2/3/2021	14.0%
STB	28.9	9.3	15	22	Nắm giữ. Mục tiêu 32	2/3/2021	60.6%
DIG	28.2	(1.6)	30	38	Nắm giữ. Mục tiêu 35	3/22/2021	-4.4%
D2D	52.1	0.1	52	65	Mua quanh 52-53. Mục tiêu 65	5/4/2021	0.2%
SZC	34.5	(4.3)	32	44	Mua quanh 33-34. Mục tiêu 40	5/4/2021	3.0%
PET	20.2	(6.7)	20	25	Mua quanh 20, mục tiêu 27	5/4/2021	2.5%
KBC	32.8	(7.3)	32	46	Nắm giữ	5/4/2021	-11.4%
PNJ	96.0	8.1	75	90	Chốt lãi	2/3/2021	15.8%
MBB	34.7	5.0	20	27	Chốt lãi quanh 33-35	2/3/2021	42.8%
FPT	93.8	10.6	55	75	Chốt lãi	2/3/2021	34.0%
VPB	67.8	1.8	30	40	Chốt lãi	2/3/2021	91.0%
HSG	37.9	3.0	18	28	Chốt lãi	2/3/2021	58.6%
DGW	130.0	2.0	90	120	Chốt lãi	3/3/2021	30.0%

Chốt lời

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

PXS	6.78
IDI	6.78
PXT	6.82
KBC	6.84
BTP	6.85
YEG	6.86
YEG	6.86
TLG	6.88
CMX	6.88
HAX	6.90
CRC	6.91
VRC	6.93
VRC	6.93
LDG	6.93
BID	6.93
SCR	6.96
DCL	6.96
KMR	6.98
SZC	6.99
CLG	8.33
ATG	12.50
LMH	15.00

Top tăng giá HNX

NDX	4.49
NRC	4.95
CTX	5.06
NHA	5.08
DGC	5.23
VGP	5.56
VCS	5.57
CSC	5.73
LIG	6.25
SCL	6.45
PSE	6.45
OCH	6.82
VC7	9.32
MBG	9.38
TKC	9.38
LDP	9.73
IVS	10.00
ASA	13.51
DNY	13.79
DID	14.06

PNJ - CTCP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận - Trong tháng 4, PNJ ghi nhận doanh thu thuần đạt 1,851 tỷ đồng, gấp 3.7 lần cùng kỳ và lãi sau thuế đạt 85 tỷ đồng (cùng kỳ lỗ do đây là thời điểm đỉnh dịch Covid tại Việt Nam).

GVT - CTCP Giấy Việt Tri - Thông báo chuẩn bị chia cổ tức 2020 bằng tiền với tỷ lệ 35% vào ngày 22/06, ngày giao dịch không hưởng quyền sẽ từ ngày 05/06.

TPB - Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Đã hoàn tất việc bán ra hơn 40 triệu cổ phiếu quỹ từ ngày 28/4 đến 18/5 theo phương thức thỏa thuận, với giá bán bình quân 28.406 đồng/cổ phiếu.

YEG - CTCP Tập đoàn Yeah1 – Đã thông qua kế hoạch chào bán 1,25 triệu cổ phần sở hữu tại CTCP Yeah1 Edigital, với giá không thấp hơn 15.497 đồng/cổ phiếu. Thời gian thực hiện dự kiến trong năm 2021.

FTS - CTCP Chứng khoán FPT - Ngày 31/5 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020 và cổ phiếu thưởng, ngày đăng ký cuối cùng là 01/6. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 5%, thanh toán bắt đầu từ ngày 05/7/2021. Cổ phiếu thưởng được trả theo tỷ lệ 10%, tương ứng FTS sẽ phát hành thêm hơn 13,22 triệu cổ phiếu mới trong đợt này.

CMX - CTCP Camimex Group – Đã thông qua việc triển khai phương án chào bán hơn 30,4 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ phát hành 1:1, giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phiếu.

DHC - Công ty cổ phần Đông Hải Bến Tre - DHC dự kiến vay vốn ngắn hạn bổ sung vốn kinh doanh năm 2021 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre (BIDV) với tổng giới hạn là 450 tỷ đồng, bao gồm vay ngắn hạn, bảo lãnh, mở LC.

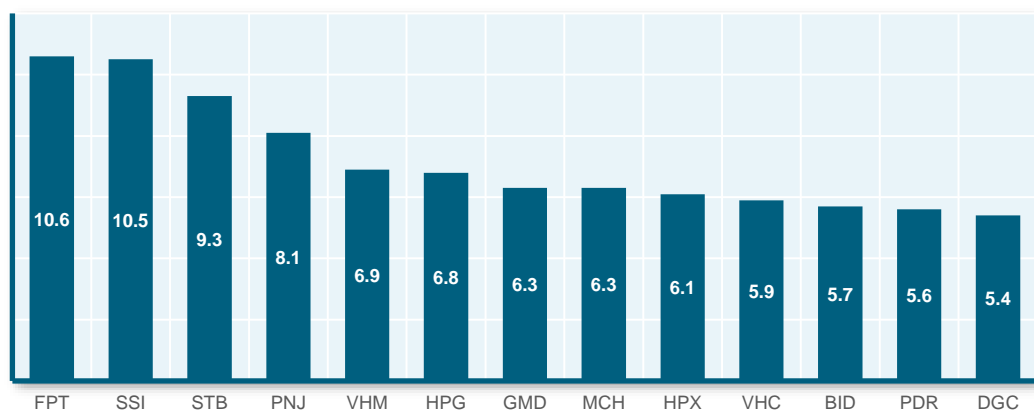
BMI – Tổng CTCP Bảo Minh - Ngày 03/6 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 04/6. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 20%, thanh toán bắt đầu từ ngày 24/6/2021.

NDX - CTCP Xây lắp Phát triển Nhà Đà Nẵng - Ngày 01/6 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 02/6. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 8%, thanh toán bắt đầu từ ngày 30/6/2021.

TSB - CTCP Ác quy Tia Sáng - Ngày 27/5 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 28/5. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 5%, thanh toán bắt đầu từ ngày 10/6/2021.



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

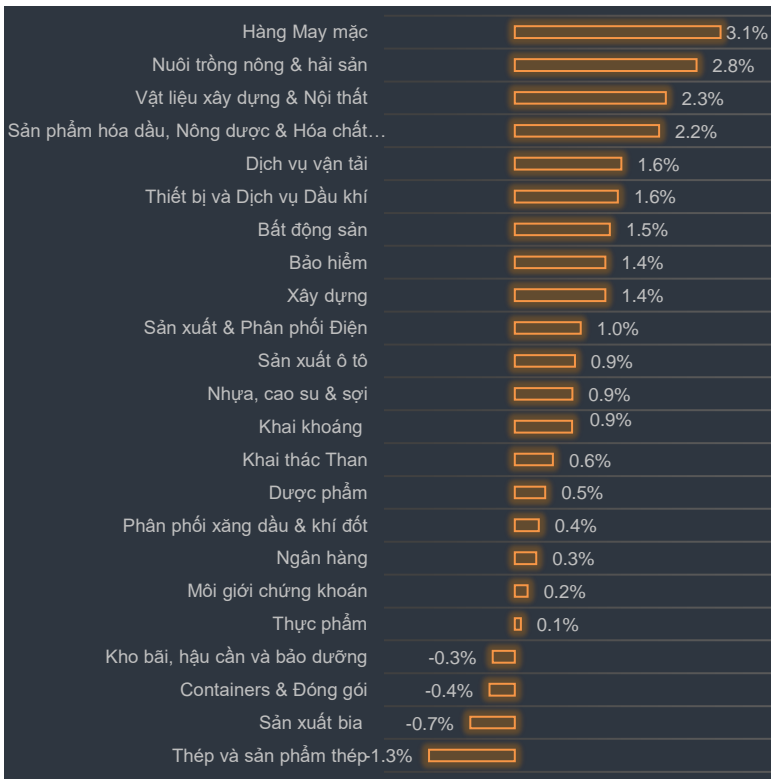
Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
ABB	HOSE	19.5	5,010,102	8.8	1.2	-	-	11,141	30.00	2,218	16,320
ACB	HOSE	37.5	9,146,500	8.5	2.1	-	3,000	81,058	30.00	4,419	17,547
BAB	HNX	25.5	255,501	27.2	2.1	1,200	-	18,067	-	939	12,064
BID	HOSE	44.8	13,027,500	21.3	2.2	5,800	484,500	179,985	16.68	2,103	20,453
CTG	HOSE	48.3	15,853,000	10.1	2.0	497,300	1,029,500	179,654	25.39	4,761	24,665
EIB	HOSE	26.1	902,000	36.6	1.9	30,100	29,600	32,027	29.83	713	13,822
HDB	HOSE	31.9	5,745,200	7.8	1.9	847,900	38,300	50,841	17.35	4,066	16,572
LPB	UPCOM	23.5	14,550,800	10.5	1.7	39,600	1,100	25,254	4.15	2,239	14,059
MBB	HOSE	34.7	19,882,300	8.9	1.8	1,253,500	452,700	96,977	22.72	3,912	19,196
MSB	HOSE	25.0	10,045,500	10.3	1.6	5,900	500	28,867	29.94	2,436	15,368
NVB	HNX	17.3	5,732,296		1.6	3,000	13,300	7,038	8.72	27	10,532
OCB	HOSE	26.3	8,395,800	7.9	1.6	1,044,300	10,100	28,768	15.00	3,341	16,848
SHB	HNX	29.1	27,588,979	14.5	2.0	17,200	15,400	56,034	3.59	2,013	14,631
SSB	HOSE	32.0	4,272,700	24.0	2.7	-	-	38,680	-	1,331	11,769
STB	HOSE	28.9	45,792,800	19.3	1.8	498,600	2,418,400	52,035	11.78	1,495	16,485
TCB	HOSE	50.8	18,850,300	12.5	2.3	1,041,400	1,041,400	178,049	22.49	4,074	22,566
TPB	HOSE	33.0	6,207,600	7.6	1.9	-	300	35,365	30.00	4,354	17,399
VCB	HOSE	96.8	1,459,200	17.0	3.6	431,900	521,000	359,019	23.30	5,708	27,234
VIB	HOSE	61.3	1,202,400	11.6	3.5	20,300	4,700	68,005	20.50	5,297	17,420
VPB	HOSE	67.8	42,798,800	14.6	3.0	-	134,900	166,432	20.99	4,628	22,811
			256,719,278	14.68	2.12	5,738,000	6,198,700	1,693,297		3,004	17,388



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	MLS	UPCoM	15/06/2021	16/06/2021	15/07/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 4,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	DBM	UPCoM	14/06/2021	15/06/2021	25/06/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	CDH	UPCoM	9/6/2021	10/6/2021	23/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	CST	UPCoM	9/6/2021	10/6/2021	29/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	HPT	UPCoM	7/6/2021	8/6/2021	10/8/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	DRC	HOSE	7/6/2021	8/6/2021	28/06/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	SIV	UPCoM	4/6/2021	7/6/2021	21/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	SMC	HOSE	3/6/2021	4/6/2021	18/05/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	L10	HOSE	3/6/2021	4/6/2021	25/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	NDC	UPCoM	3/6/2021	4/6/2021	23/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	GVT	UPCoM	3/6/2021	4/6/2021	22/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 3,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	CDG	UPCoM	2/6/2021	3/6/2021	29/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	HPP	UPCoM	2/6/2021	3/6/2021	29/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	CLW	HOSE	2/6/2021	3/6/2021	19/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	TC6	HNX	1/6/2021	2/6/2021	29/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	PLC	HNX	1/6/2021	2/6/2021	17/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	FPT	HOSE	1/6/2021	2/6/2021	16/06/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	FPT	HOSE	1/6/2021	2/6/2021		Trả cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
19	CMD	UPCoM	1/6/2021	2/6/2021	15/06/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	HTC	HNX	1/6/2021	2/6/2021	18/06/2021	Trả cổ tức đợt 5/2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	HFB	UPCoM	1/6/2021	2/6/2021	22/06/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 550 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	RTS	UPCoM	31/05/2021	1/6/2021	17/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	HPG	HOSE	31/05/2021	1/6/2021	11/6/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	HPG	HOSE	31/05/2021	1/6/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:35	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
25	UIC	HOSE	28/05/2021	31/05/2021	10/6/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	DTT	HOSE	28/05/2021	31/05/2021	20/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	DPC	HNX	28/05/2021	31/05/2021	15/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	PGC	HOSE	28/05/2021	31/05/2021	25/06/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt

Tăng giảm ngành trong ngày



Các CP tăng tốt nhất theo từng nhóm ngành:

Bất động sản: LDG, VRC, KBC

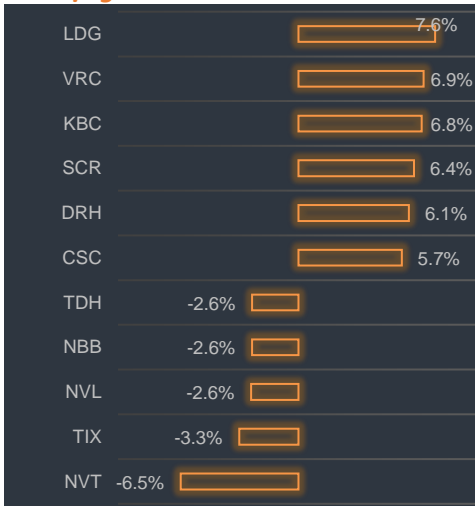
Xây dựng: V21, TKC, VC7

Dầu khí: PVB, ASP, CNG

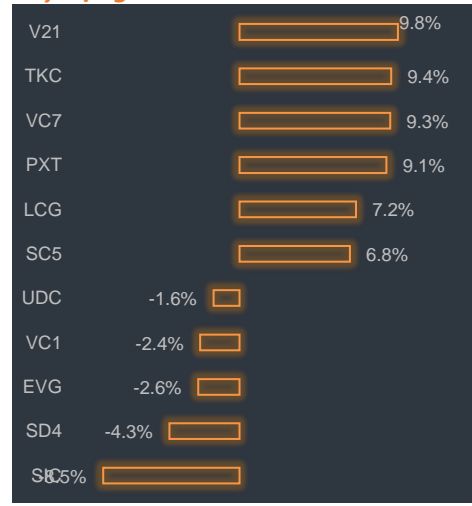
Chứng khoán: IVS, SBS, TVS

Ngân hàng: BID, ABB, OCB

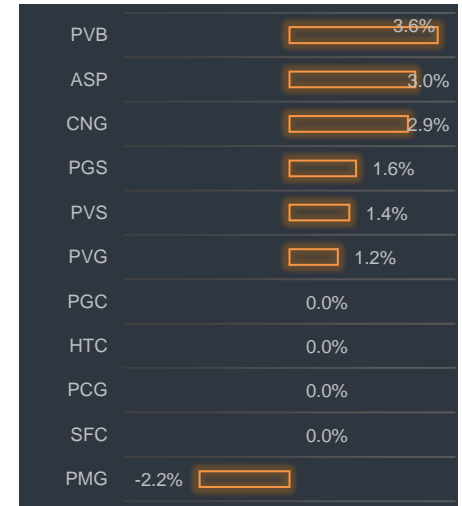
Bất động sản



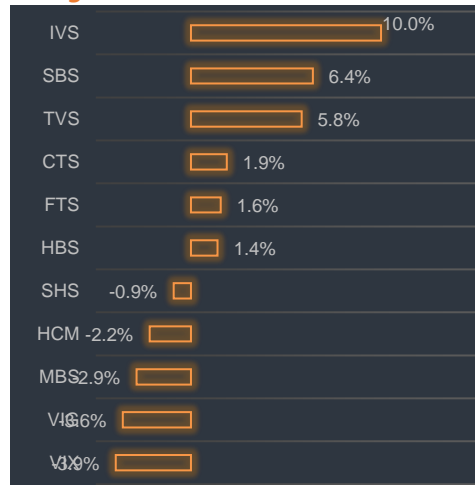
Xây dựng



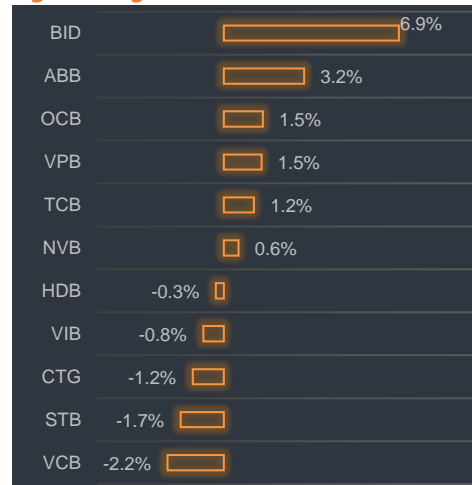
Dầu khí



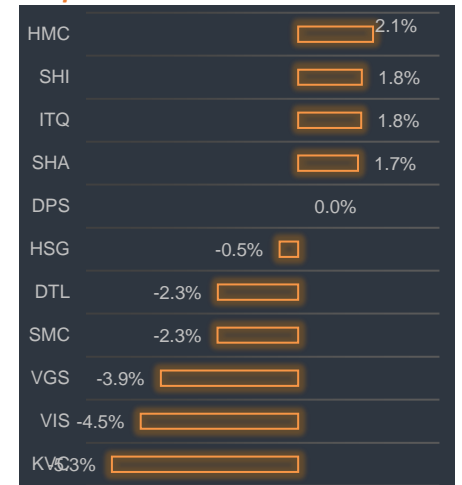
Chứng khoán



Ngân hàng



Thép



Tổng hợp kế hoạch kinh doanh nhóm ngân hàng

Cổ phiếu	Kế hoạch 2021	VDL (tỷ VND)	LN 2020 (tỷ VND)	EPS	Lợi nhuận Q1.2021	Lợi Nhuận 2020.Q1	yoy
BID	Tăng trưởng huy động vốn phù hợp với sử dụng vốn, dự kiến tăng trưởng 12%-15%. Tăng trưởng dư nợ tín dụng năm 2021 của BIDV dự kiến tăng trưởng 10%-12%; tỷ lệ nợ xấu kiểm soát không vượt 1,6%. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất dự kiến đạt 13.000 tỷ đồng, tăng hơn 40% so với năm 2020. Chia cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 12,2%	40,220	9,026	2,137	3,250	1,814	79%
CTG	Kế hoạch tăng trưởng dư nợ tín dụng 6-12%, vốn huy động từ tổ chức kinh tế và dân cư phù hợp với sử dụng vốn dự kiến 8-12%. năm 2021, Ngân hàng đặt mục tiêu tăng trưởng lợi nhuận từ 10 - 20%, tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới 2%. VietinBank lấy ý kiến cổ đông tăng vốn điều lệ lên 48.000 tỷ đồng thông qua phát hành hơn 1 tỷ cổ phiếu để trả cổ tức, tương đương tỷ lệ gần 28,8%	37,234	17,085	4,640	7,500	2,974	152%
VCB	Vietcombank được NHNN giao hạn mức tăng trưởng tín dụng 10,5% và có thể tăng khoảng 14%, cao nhất trong khối ngân hàng quốc doanh (chỉ khoảng 6 - 7,5%). Kế hoạch LN trước thuế năm 2021 khoảng 25,200 tỷ	37,089	23,050	5,354	7,000	5,223	34%
TCB	Kế hoạch lợi nhuận trước thuế năm nay là 19.800 tỷ đồng, tăng 25,3% so với kết quả năm 2020. Dư nợ tín dụng dự kiến đạt gần 356.200 tỷ đồng, tăng trưởng ít nhất 12%. Giá trị huy động vốn (bao gồm chứng chỉ tiền gửi cho khách hàng cá nhân) dự kiến đạt 334.291 tỷ đồng, tăng trưởng ít nhất 14,7%.	35,049	15,800	4,264	6,000	3,121	92%
MBB	Năm 2021, MB đặt mục tiêu tăng lợi nhuận 25 – 30%, tương đương 14.610 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu của ngân hàng riêng lẻ tại thời điểm cuối quý 1 khoảng 1,14%, so với mức 1,46% cùng kỳ. Tỷ lệ dự phòng bao nợ xấu gần 150% (tức là 100 đồng nợ xấu thì ngân hàng dự phòng gần 150 đồng).	27,988	10,688	3,742	4,600	2,196	109%
VPB	Thương vụ thoái vốn khỏi FE Credit của VPBank có thể được hoàn thành trong nửa đầu trong năm 2021 với mức định giá cổ phiếu vào khoảng 3 - 4 lần giá trị sổ sách. Việc bán 49% vốn tại FE Credit sẽ mang về khoản lãi sau thuế 21.000 tỷ đồng. Số tiền này không được ghi nhận như một khoản thu nhập trong kết quả kinh doanh nhưng sẽ làm gia tăng nguồn vốn tự có và giảm chi phí vốn bình quân cho VPBank.	25,300	13,019	4,461	4,000	2,911	37%
ACB	ACB đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng 9% và tăng vốn điều lệ lên 27.019 tỷ đồng thông qua chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 25%. tổng tài sản tăng 10%, tiền gửi khách hàng và tín dụng đều tăng 9%. Lợi nhuận sau thuế dự kiến là 8.482 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới 2%.	21,616	9,596	3,986	3,100	1,925	61%

HDB	HDBank (HDB) đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế 7.281 tỷ đồng, tăng 25% so với năm trước. Tổng tài sản dự kiến tăng 25% đạt 399.320 tỷ đồng, trong đó dư nợ tín dụng tăng 26% đạt 236.758 tỷ đồng, và tổng huy động vốn tăng 25% lên 359.851 tỷ đồng. Ngân hàng cũng trình kế hoạch tăng vốn điều lệ thêm hơn 4.200 qua chia cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 25%. Ngân hàng sẽ trình xin ý kiến các cổ đông về việc chấm dứt việc sáp nhập với PGBank	16,088	5,818	3,042	1,550	1,251	24%
SSB	SeABank (SSB) đặt mục tiêu lãi trước thuế 2.414 tỷ đồng, tăng 40% so với thực hiện năm trước. Tổng tài sản đến cuối năm lên kế hoạch tăng 10%, đạt 198.229 tỷ đồng. Huy động tiền gửi của khách hàng ở mức 124.277 tỷ đồng, dư nợ cho vay khách 122.978 tỷ đồng, lần lượt tăng 9,7% và 13%. Tỷ lệ nợ xấu dự kiến duy trì dưới 3%.	12,087	1,729	1,402	698	309	126%
MSB	kế hoạch kinh doanh năm 2021 lợi nhuận trước thuế đạt 3.280 tỷ đồng, tăng 30%. Tổng tài sản tính đến cuối năm 2021 mục tiêu đạt 190.000 tỷ đồng, tăng 8%. Trong đó, dư nợ tín dụng đạt 106.208 tỷ đồng, tăng 125%. Vốn huy động tại thị trường I và trái phiếu huy động vốn đạt 114.105 tỷ đồng, tăng 15%. Tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới 3%.	11,750	2,523	2,338	1,200	290	314%
VIB	VIB đặt kế hoạch tăng trưởng tổng tài sản 26%, đưa tài sản của ngân hàng lên trên 300.000 tỷ đồng. Dư nợ tín dụng lên 225.000 tỷ đồng, tương đương 31%. Mục tiêu lợi nhuận trước thuế tăng trưởng 29%, lên trên 7.500 tỷ đồng. VIB dự kiến tăng vốn bằng hình thức chia cổ phiếu thưởng từ nguồn vốn chủ sở hữu 40% và dự kiến phát hành chào bán cổ phiếu. Vốn điều lệ dự kiến sau các phương án tăng vốn này là khoảng 16.000 tỷ đồng,	11,094	5,803	4,706	1,800	1,075	67%
OCB	Ngân hàng xác định mục tiêu tăng trưởng tổng tài sản khoảng 25% và lợi nhuận tăng 30% khoảng trên 5700 tỷ. Mục tiêu tăng trưởng tín dụng khoảng 20%. Tiếp tục bán vốn cho NĐTNN. Tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tại OCB là 20,13% trong khi room ngoại của ngân hàng đang được khoá ở ngưỡng 22%.	10,959	4,419	3,349	1,275	1,107	15%
TPB	TPBank (HoSE: TPB) đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế 5.500 tỷ đồng, tăng 25% so với thực hiện năm trước. Tổng tài sản lên kế hoạch tăng 21% ở mức 250.000 tỷ đồng. Tổng huy động đặt mục tiêu tăng 20% lên 221.893 tỷ đồng. Dự nợ cho vay và trái phiếu tổ chức kinh tế lên mục tiêu tăng 25% lên 165.434 tỷ đồng, tùy thuộc vào mức Ngân hàng Nhà nước cho phép. Tỷ lệ nợ xấu kế hoạch duy trì dưới 2%.	10,717	4,389	3,568	1,400	1,009	39%

EPS: Cập nhật đến Q1.2021



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931